

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn	Lâm	3671030576	02/05/1994	1,00	3,00	2,40	
2	Nguyễn Đức	Thiện	3671030618	29/01/1994	,00	,00	,00	
3	Hồ Thanh	Duy	3671030654	09/03/1994	,00	1,00	,70	
4	Dương Thanh	Xuân	3671030678	1979	5,00	1,80	2,80	
5	Nguyễn Đình	Tuân	3672050891	23/09/1993	1,00	4,50	3,50	
6	Trần Bình	Trọng	3672051854	15/05/1994	2,00	4,30	3,60	
7	Nguyễn Duy	Khánh	3772050013	10/06/1995	,00	2,30	1,60	
8	Huỳnh Ngọc	Toàn	3772050014	10/12/1994	,00	1,50	1,10	
9	Đinh Công	Thắng	3772050019	10/07/1995	4,00	,00	1,20	
10	Nguyễn Hoàng	Dũng	3772050033	19/07/1994	7,00	,00	2,10	
11	Đặng Nguyễn Vũ	Thạch	3772050034	01/01/1995	,00			
12	Đỗ Nhật	Huy	3772050041	10/10/1993	,00			
13	Phan Quang	Nhân	3772050043	04/02/1995	6,00	,30	2,00	
14	Đỗ Tiến	Khoa	3772050057	14/07/1995	,00			CT
15	Lê Doãn	Trường	3772050061	26/09/1995	6,00	,00	1,80	
16	Nguyễn Tấn	Phước	3772050078	24/06/1995	6,50			
17	Phạm Thông	Hàng	3772050081	16/02/1995	5,00	1,00	2,20	
18	Trần Nguyễn Hiệp	Lực	3772050089	06/11/1995	7,00	1,80	3,40	
19	Lê Đức	Chiến	3772050092	02/09/1995	7,00	3,30	4,40	
20	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	3772050095	14/01/1995	7,00	,00	2,10	
21	Hồ Tiến	Sỹ	3772050099	30/09/1995	7,00	,50	2,50	
22	Huỳnh Hàn	Châu	3772050100	02/07/1994	7,00	2,50	3,90	
23	Lương Huệ	Hùng	3772050104	30/11/1994	,00			CT
24	Phạm Ngọc	Thương	3772050108	19/12/1995	,00			
25	Huỳnh Nam	Tín	3772050111	21/11/1995	,00	3,30	2,30	
26	Nguyễn Cao	Kỳ	3772050115	03/07/1995	5,00	,00	1,50	
27	Nguyễn Minh	Lư	3772050118	28/05/1995	8,00	2,00	3,80	
28	Nguyễn Văn	Thương	3772050131	22/08/1994	7,00	5,30	5,80	
29	Nguyễn Hoài	Phong	3772050148	18/05/1995	8,50	,30	2,80	
30	Trần Lâm Vĩnh	Nhật	3772050154	19/08/1994	7,00	1,30	3,00	
31	Triệu Văn	Lanh	3772050156	02/04/1992	6,00	1,00	2,50	
32	Nguyễn Đức	Hoàng	3772050162	12/04/1995	8,50	1,00	3,30	
33	Lương Ngọc	Son	3772050164	27/02/1994	9,00	5,00	6,20	
34	Lê Thái	Ân	3772050175	03/08/1995	5,00	,80	2,10	
35	Phạm Ngọc	Hiếu	3772050177	02/05/1995	,00			CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Minh	Tân	3772050187	12/06/1995	10,00	3,80	5,70	
37	Lâm Thành	Thái	3772050190	20/10/1995	,00			
38	Trần Huỳnh	Tiến	3772050196	25/10/1995	7,00	1,80	3,40	
39	Đỗ Tạ Thành	Đạt	3772050199	27/09/1995	7,50	7,00	7,20	
40	Trần Nhựt	Trường	3772050201	03/06/1995	7,00	,80	2,70	
41	Lưu Thuận	Hỷ	3772050211	16/02/1994	8,00	1,00	3,10	
42	Nguyễn Tấn	Phụng	3772050214	17/06/1995	7,00	,00	2,10	
43	Võ Văn	Giàu	3772050216	20/08/1994	5,00	2,00	2,90	
44	Lê Tấn	Tâm	3772050219	16/06/1995	9,00	2,80	4,70	
45	Nguyễn Thị Kim	Luyến	3772050222	19/12/1995	10,00	1,80	4,30	
46	Châu Minh	Thuận	3772050225	01/07/1995	,00			
47	Nguyễn Thanh	Nhàn	3772050226	11/11/1995	5,00	,00	1,50	
48	Huỳnh Văn	Hùng	3772050232	14/10/1993	8,00	,00	2,40	
49	Thái Quang Minh	Hiếu	3772050234	17/12/1995	5,50	,00	1,70	
50	Nguyễn Hữu	Nghĩa	3772050237	13/09/1995	8,00	,30	2,60	
51	Phạm Minh	Luân	3772050240	18/02/1995	5,50	,00	1,70	
52	Lê Văn	Tùng	3772050241	10/12/1995	3,00	,00	,90	
53	Nguyễn Quốc	Thịnh	3772050247	08/09/1995	7,00	,50	2,50	
54	Lê Văn	Gấm	3772050256	31/07/1995	10,00	2,80	5,00	
55	Phạm Minh	Nhật	3772050261	07/05/1995	10,00	4,00	5,80	
56	Trần Sơn	Hậu	3772050262	15/12/1994	,00	,00	,00	
57	Nguyễn Anh	Duy	3772050264	12/03/1995	6,00	1,50	2,90	
58	Đỗ Hữu	Vị	3772050269	13/07/1995	6,50	,00	2,00	
59	Hồ Văn	Hậu	3772050277	07/03/1995	5,00	,00	1,50	
60	Trần Hùng	Minh	3772050280	31/01/1995	,00	,00	,00	
61	Phùng Nhựt	Trường	3772050282	19/09/1995	8,00	,00	2,40	
62	Nguyễn Hữu	Nguyên	3772050283	28/05/1995	,00			
63	Nguyễn Minh	Đạo	3772050290	30/10/1995	10,00	5,50	6,90	
64	Nguyễn Đức	Hiếu	3772050292	06/09/1995	8,00	,00	2,40	
65	Nguyễn Đức	Huy	3772050295	22/10/1995	8,50	2,50	4,30	
66	Trần Hồ	Vũ	3772050303	01/12/1994	10,00	,30	3,20	
67	Nguyễn Cường	Thịnh	3772050306	12/08/1995	6,00	2,00	3,20	
68	Lê Hoàng	Thư	3772050309	29/11/1995	9,00	1,30	3,60	
69	Phạm Ngọc	Sáng	3772050329	19/05/1995	8,00	1,80	3,70	
70	Phạm Văn	Út	3772050331	11/09/1994	,00			
71	Lê Thái	Phát	3772050336	05/11/1995	7,00	2,30	3,70	
72	Lý Văn	Tài	3772050339	23/04/1995	10,00	5,30	6,70	
73	Trần Thanh	Hoài	3772050343	01/02/1995	1,00	,00	,30	
74	Doãn Công	Nghiệp	3772050364	25/11/1994	,00			CT
75	Đặng Hữu	Tâm	3772051122	18/09/1993	,00			

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Đoàn Duy	Phuong	3772051139	10/01/1994	8,00	2,00	3,80	
77	Thới Văn	Hòa	3772051428	22/01/1993	,00	2,00	1,40	
78	Trần Phú	Quý	3772051439	21/12/1994	,00	1,00	,70	
79	Võ Kim	Phát	3772051446	01/03/1993	8,00	,30	2,60	
80	Trần Văn	Minh	3772051452	04/09/1994	,00	,00	,00	
81	Châu Dũng Trí	Uyên	3772052045	02/01/1995	5,00	,00	1,50	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)